

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023 CỦA HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng 2022 (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên Bản đồ địa chính (hoặc) Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Cơ sở pháp lý
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
A	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH GIA LAI (Các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm 2023)							
A.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh (Điều 61, Luật Đất đai)							
1	Mở rộng trụ sở công an huyện	2,00	-	2,00	ANI	Thị trấn Phú Hòa	Sau Trụ sở hiện có	Chuyển tiếp từ KH 2021
2	Xây dựng trụ sở công an các xã, thị trấn	2,68	-	2,68				
2.1	<i>Xã Chư Đang Ya</i>	<i>0,36</i>	-	<i>0,36</i>	<i>ANI</i>	<i>Xã Chư Đang Ya</i>	<i>Khu Trung tâm xã</i>	<i>Chuyển tiếp từ KH 2022</i>
2.2	<i>Xã Nghĩa Hưng</i>	<i>0,21</i>	-	<i>0,21</i>	<i>ANI</i>	<i>Xã Nghĩa Hưng</i>	<i>Khu Trung tâm xã</i>	<i>Chuyển tiếp từ KH 2022</i>
2.3	<i>Xã Nghĩa Hòa</i>	<i>0,20</i>	-	<i>0,20</i>	<i>ANI</i>	<i>Xã Nghĩa Hòa</i>	<i>Khu Trung tâm xã</i>	<i>Chuyển tiếp từ KH 2022</i>
2.4	<i>Xã Ia Nhin</i>	<i>0,18</i>	-	<i>0,18</i>	<i>ANI</i>	<i>Xã Ia Nhin</i>	<i>Khu Trung tâm xã</i>	<i>Chuyển tiếp từ KH 2022</i>
2.5	<i>Xã Ia Ka</i>	<i>0,14</i>	-	<i>0,14</i>	<i>ANI</i>	<i>Xã Ia Ka</i>	<i>Khu Trung tâm xã</i>	<i>Chuyển tiếp từ KH 2022</i>
2.6	<i>Xã Ia Mơ Nông</i>	<i>0,16</i>	-	<i>0,16</i>	<i>ANI</i>	<i>Xã Ia Mơ Nông</i>	<i>Khu Trung tâm xã</i>	<i>Chuyển tiếp từ KH 2022</i>
2.7	<i>Xã Ia Kreng</i>	<i>0,22</i>	-	<i>0,22</i>	<i>ANI</i>	<i>Xã Ia Kreng</i>	<i>Khu Trung tâm xã</i>	<i>Chuyển tiếp từ KH 2022</i>
2.8	<i>Xã Hòa Phú</i>	<i>0,22</i>	-	<i>0,22</i>	<i>ANI</i>	<i>Xã Hòa Phú</i>	<i>Khu Trung tâm xã</i>	<i>Chuyển tiếp từ KH 2022</i>
2.9	<i>Xã Ia Khuol</i>	<i>0,20</i>	-	<i>0,20</i>	<i>ANI</i>	<i>Xã Ia Khuol</i>	<i>Khu Trung tâm xã</i>	<i>Chuyển tiếp từ KH 2022</i>
2.10	<i>Xã Ia Phí</i>	<i>0,20</i>	-	<i>0,20</i>	<i>ANI</i>	<i>Xã Ia Phí</i>	<i>Khu Trung tâm xã</i>	<i>Chuyển tiếp từ KH 2022</i>
2.11	<i>Xã Đăk Tơ Ve</i>	<i>0,21</i>	-	<i>0,21</i>	<i>ANI</i>	<i>Xã Đăk Tơ Ve</i>	<i>Khu Trung tâm xã</i>	<i>Chuyển tiếp từ KH 2022</i>
2.12	<i>Xã Hà Tây</i>	<i>0,20</i>	-	<i>0,20</i>	<i>ANI</i>	<i>Xã Hà Tây</i>	<i>Khu Trung tâm xã</i>	<i>Chuyển tiếp từ KH 2022</i>
2.13	<i>Thị trấn Phú Hòa</i>	<i>0,18</i>	-	<i>0,18</i>	<i>ANI</i>	<i>Thị trấn Phú Hòa</i>	<i>Khu Trung tâm xã</i>	<i>Chuyển tiếp từ KH 2022</i>
3	Công trình trận địa phòng không 37mm	1,00	-	1,00	CQ	Thị trấn Ia Ly		
A.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 62, Luật Đất đai)							
A.2.1	Công trình, dự án Quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất							
	Không							
A.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất							
1	Mở rộng nhà máy thủy điện Ia Ly	13,51	-	13,51	DNL	Ia Ly, Ia Kreng, Ia Mơ Nông	Nhà máy thủy điện Ia Ly	Chuyển tiếp từ KH 2022; Đang thực hiện
2	Dự án Điện mặt trời nổi KN Ialy Gia Lai – 500 MWp (Xây dựng trạm biến áp và khu vận hành; Hành lang tuyến đường dây 500kV; Sân phân phối 500 kV)	628,00	-	628,00	DNL	Thị trấn Ia Ly	Trên lòng hồ thủy điện Ia Ly	Chuyển tiếp từ KH 2022; Diện tích thu hồi 53,29 ha
3	Hồ chứa nước Ia Prat	27,00	-	27,00	DTL	Ia Khuol	Phía Nam làng Kach	Chuyển tiếp từ KH 2022
B	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÒN LẠI							
B.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai chấp thuận mà phải thu hồi đất							
1	Di tích núi lửa Chư Đang Ya	0,020	-	0,02	DDT	Xã Chư Đang Ya	Khu vực núi lửa	Chuyển tiếp từ KH 2022
2	Dự án Nâng cao khả năng vận hành các đường dây 110 kV khu vực tỉnh Gia Lai, hạng mục thay cột đường dây 110 KV 176/Pleiku 500-171/Kon Tum đoạn đi qua huyện Chư Păh	0,06	-	0,06	DNL	Xã Hòa Phú	Xác định theo tuyến	Đơn đăng ký chuyển tiếp số 3664/GLPC-QLDA của Công ty Điện lực Gia Lai ngày 15/09/2022
3	Dự án Hồ thị trấn Phú Hòa	13,51	-	13,51	MNC	Thị trấn Phú Hòa		
4	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Gia Lai	0,021	-	0,02	DNL	Ia Phí, Ia Ka	Xác định theo tuyến	Chuyển tiếp từ KH 2022
5	Đường hành lang kinh tế phía Đông (Đường tránh Quốc lộ 19)	21,26	-	21,26	DGT	Xã Nghĩa Hưng	Xác định theo tuyến	Chuyển tiếp từ KH 2022
B.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất							
B.2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân huyện chấp thuận để chuyển mục đích sử dụng đất							
1	Đường Nguyễn Văn Linh, đường Lê Lợi và một số tuyến đường khác trên địa bàn thị trấn.	15,00	-	15,00	DGT	Thị trấn Phú Hòa		Chuyển tiếp từ KH 2022; Đang thực hiện
2	Khu dân cư và công trình công cộng phía Bắc đường Hùng Vương	50,00	-	50,00	DHT	Thị trấn Phú Hòa		Chuyển tiếp từ KH 2022; Đang thực hiện
3	Thu hồi đất của Công ty TNHH MTV cao su Chư Păh giao lại cho địa phương quản lý nhằm thực hiện quy hoạch sử dụng đất	2,00	-	2,00	ONT, NTD, DHT	Xã Hòa Phú, thị trấn Phú Hòa, Ia Nhin, Ia Ka		Chuyển tiếp từ KH 2019
4	Sân thể thao xã + Trụ sở cơ quan và Hội trường thôn	1,73	-	1,73	DTT + DSH	Xã Hòa Phú		Chuyển tiếp từ KH 2022; Thu hồi đất của Công ty TNHH MTV cao su Chư Păh giao lại cho địa phương quản lý
B.2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích theo đơn đăng ký của Doanh nghiệp và Hộ gia đình, cá nhân (phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện)							

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch 2023 (ha)	Hiện trạng 2022 (ha)	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (hoặc) Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý
	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở	47,26	-	47,26				
1	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	1,50	-	1,50	ODT	Thị trấn Phú Hòa		Đơn đăng ký của người dân, phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 theo Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 09/05/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
2	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	0,70	-	0,70	ODT	Thị trấn Ia Ly		
3	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	8,30	-	8,30	ONT	Xã Hòa Phú		
4	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn (Giãn dân tách hộ và đất nông nghiệp trong khu dân cư) (CLN:0,9 ha, HNK:0,3 ha)	1,20	-	1,20	ONT	Xã Chư Đàng Ya		
5	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	0,60	-	0,60	ONT	Xã Ia Ninh		
6	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn (Giãn dân tách hộ và đất nông nghiệp trong khu dân cư) (CLN:0,34 ha, HNK:0,51 ha)	0,85	-	0,85	ONT	Xã Hà Tây		
7	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn (Giãn dân tách hộ và đất nông nghiệp trong khu dân cư) (CLN:2,3 ha, HNK:0,24 ha)	2,54	-	2,54	ONT	Xã Ia Khưol		
8	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	0,10	-	0,10	ONT	Xã Đăk Tơ Ver		
9	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	1,50	-	1,50	ONT	Xã Nghĩa Hòa		
10	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	0,76	-	0,76	ONT	Xã Ia Ka		
11	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	0,75	-	0,75	ONT	Xã Ia Mơ Nông		
12	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn (Giãn dân tách hộ và đất nông nghiệp trong khu dân cư)(CLN:0,08 ha, HNK:0,04 ha)	0,12	-	0,12	ONT	Xã Ia Phí		
13	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn (Giãn dân tách hộ) tại thôn đường đi thôn 1, thôn 2, thôn 6, làng Nhing, làng Ea Lũh và trong các khu dân cư (HNK: 0,04 ha, CLN 8,3 ha)	8,34	-	8,34	ONT	Xã Nghĩa Hưng		
14	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	20,00	-	20,00	ONT	Xã Nghĩa Hưng	Quyết định 337/QĐ-UBND ngày 09/05/2022 của UBND tỉnh Gia Lai; Đơn xin thuê đất của Công ty Cổ phần Chế Biến Hồ ngày 25/09/2022	
	Chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, đất phi nông nghiệp khác	131,11	-	131,11				
1	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất sản xuất kinh doanh	0,10	-	0,10	SKC	Thị trấn Ia Ly		Đơn đăng ký của người dân, phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 theo Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 09/05/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
2	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ	0,48	-	0,48	TMD	Thị trấn Ia Ly		
3	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất sản xuất kinh doanh	3,00	-	3,00	SKC	Xã Chư Đàng Ya		
4	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ	3,00	-	3,00	TMD	Xã Chư Đàng Ya		
5	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ	0,50	-	0,50	TMD	Xã Ia Khưol		
6	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ	0,03	-	0,03	TMD	Xã Đăk Tơ Ver		
7	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ	1,00	-	1,00	TMD	Xã Nghĩa Hưng		
8	Chuyển mục đích sang đất đất cơ sở sản xuất kinh doanh	1,00	-	1,00	SKC	Xã Nghĩa Hưng		
9	Chuyển mục đích sang đất đất hỗn hợp (đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất cơ sở sản xuất kinh doanh, đất phi nông nghiệp khác)	122,00	-	122,00	ONT, SKC, TMD, PNK	Xã Nghĩa Hưng	Quyết định 337/QĐ-UBND ngày 09/05/2022 của UBND tỉnh Gia Lai; Đơn xin thuê đất của Công ty Cổ phần Chế Biến Hồ ngày 25/09/2022	
	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất nông nghiệp khác	8,80	-	8,80				
1	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất nông nghiệp khác	2,00	-	2,00	NKH	Thị trấn Phú Hòa		Đơn đăng ký của người dân, phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 theo Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 09/05/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch
2	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất nông nghiệp khác	3,00	-	3,00	NKH	Xã Ia Khưol		
3	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất nông nghiệp khác	3,80	-	3,80	NKH	Nghĩa Hưng		
	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất tôn giáo							
1	Giao đất xây dựng Chùa Phước Thành	0,87	-	0,87	TON	Ia Ninh	Chuyển tiếp từ KH 2022	
2	Giao đất xây dựng chùa Tịnh xá Ngọc Như	0,49	-	0,49	TON	TT Phú Hòa	Chuyển tiếp từ KH 2022	
3	Giao đất xây dựng Chùa Quảng Đức	0,21	-	0,21	TON	Nghĩa Hưng	Chuyển tiếp từ KH 2022	
B.3	Các khu vực sử dụng đất khác							
B.3.1	Khu vực cho thuê đất							
1	Cho thuê đất TMDV tại Thị trấn Phú Hòa	5,00	-	5,00	TMD	TT Phú Hòa	Chuyển tiếp từ KH 2022	
2	Cho thuê đất, giao đất để thực hiện dự án Đường dây 500 kV Dốc sồi-Pleiku 2 (Đoạn qua địa bàn huyện Chư Păh)	1,90	-	1,90	DNL	Ia Khưol, Hòa Phú, Nghĩa Hòa, Nghĩa Hưng và TT Phú Hòa	Chuyển tiếp từ KH 2022	
3	Cho thuê đất tại Cụm công nghiệp để kêu gọi thu hút đầu tư các dự án đầu tư theo nhu cầu	28,00	-	28,00	SKC	Xã Ia Khưol	Chuyển tiếp từ KH 2022	
4	Cho thuê đất diện tích thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Chế Biến hồ giao lại cho địa phương quản lý	603,78	-	603,78	CLN	Xã Nghĩa Hưng, xã Ia Khưol	Chuyển tiếp từ KH 2022	
5	Cho thuê diện tích thu hồi đất của Nông trường 706 giao lại cho địa phương quản lý để thực hiện cho thuê đất	425,00	-	425,00	CLN	Xã Nghĩa Hòa, Ia Ninh.	Chuyển tiếp từ KH 2022	
6	Giao đất, cho thuê đất đối với diện tích thu hồi đất rừng tràm của BQLRPH Ia Ly giao lại cho địa phương quản lý	42,30	-	42,30	CLN	Xã Ia Phí	Chuyển tiếp từ KH 2022	
7	Cho thuê đất sản xuất kinh doanh tại thị trấn Ia Ly	6,00	-	6,00	SKC	Ia Ly	Chuyển tiếp từ KH 2022	
8	Cho thuê đất thương mại-dịch vụ tại xã Nghĩa hưng (Trụ sở xã cũ).	0,15	-	0,15	TMD	Nghĩa Hưng	Chuyển tiếp từ KH 2022	
9	Cho thuê đất trồng cây lâu năm tại thị trấn Phú Hòa	10,00	-	10,00	CLN	Thị trấn Phú Hòa	Chuyển tiếp từ KH 2022	

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch 2023 (ha)	Hiện trạng 2022 (ha)	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (hoặc) Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý
10	Cho thuê đất trồng cây lâu năm tại xã Hòa Phú	5,00	-	5,00	CLN	Hòa Phú		Chuyển tiếp từ KH 2022
11	Cho thuê đất trồng cây lâu năm tại xã Ia Khuról	7,45	-	7,45	CLN	Ia Khuról		Chuyển tiếp từ KH 2022
12	Cho thuê đất trồng cây lâu năm tại xã Nghĩa Hòa	1,54	-	1,54	CLN	Nghĩa Hòa		Chuyển tiếp từ KH 2022
13	Cho thuê đất trồng cây lâu năm tại xã Nghĩa Hòa (đất HTX NN Nghĩa Hòa)	26,58	-	26,58	CLN	Nghĩa Hòa		Chuyển tiếp từ KH 2022
14	Cho thuê của đất HTX NN Nghĩa Hòa tại TT Phú Hòa	15,48	-	15,48	NNP	TT Phú Hòa		Chuyển tiếp từ KH 2022
15	Cho thuê đất, giao đất để thực hiện dự án nâng cao khả năng vận hành đường dây 110kV khu vực Gia Lai năm 2021 và Trạm biến áp 110kV Ia Grai và nhánh rẽ đoạn qua địa bàn huyện Chư Păh	0,07	-	0,07	DNL	TT Phú Hoà và Nghĩa Hưng		Chuyển tiếp từ KH 2022
16	Thủy điện Đăk Pô Kei	10,25	-	10,25	DNL	Hà Tây		Chuyển tiếp từ KH 2022
17	Cho thuê đất hoạt động khoáng sản, vật liệu gồm sừ trên địa bàn huyện	129,80	-	129,80				
-	Mô đá xây dựng (bao gồm cả diện tích bãi tập kết, bãi thải, nhà văn phòng,...)	7,32	-	7,32	SKS	Thị trấn Ia Ly		Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của UBND tỉnh
-	Mô đá Gran nít (bao gồm cả diện tích bãi tập kết, bãi thải, nhà văn phòng,...)	9,00	-	9,00	SKS	xã Ia Kreng		Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 23/6/2011 của UBND tỉnh
-	Mô đá Gran nít (bao gồm cả diện tích bãi tập kết, bãi thải, nhà văn phòng,...)	16,03	-	16,03	SKS	Xã Nghĩa Hưng		Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 22/6/2011 của UBND tỉnh
-	Mô đá Gran nít	12,40	-	12,40	SKS	TT Ia Ly		Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 08/10/2013 của UBND tỉnh
-	Mô đá Gran nít (bao gồm cả diện tích bãi tập kết, bãi thải, nhà văn phòng,...)	13,00	-	13,00	SKS	Xã Ia Nhin (7ha), Ia Ka (6 ha)		Giấy phép 763/GP-UBND ngày 01/8/11/2015 của UBND tỉnh và đăng ký của Công ty TNHH Quốc Duy Gia Lai và các đơn vị khác
-	Mô đá Bazan làm VLXD (bao gồm cả diện tích bãi tập kết, bãi thải, nhà văn phòng,...)	4,00	-	4,00	SKS	Xã Nghĩa Hưng		Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh
-	Mô đá Bazan làm VLXD (bao gồm cả diện tích bãi tập kết, bãi thải, nhà văn phòng,...)	6,00	-	6,00	SKS	Xã Ia Khuról		Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 10/4/2013 của UBND tỉnh
-	Mô đất sét	9,50	-	9,50	SKS	Xã Ia Mơ Nông, thị trấn Ia Ly		Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 27/02/2016 và Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của UBND tỉnh
-	Mô cát xây dựng (bao gồm cả diện tích bãi tập kết, bãi thải, nhà văn phòng,...)	6,00	-	6,00	SKS	Xã Ia Ka, Ia Nhin		Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh và Giấy phép số 09/GP-UBND ngày 08/01/2021
-	Mô cát xây dựng	2,10	-	2,10	SKS	Xã Hòa Phú		
-	Mô cát xây dựng (bao gồm cả diện tích bãi tập kết, bãi thải, nhà văn phòng,...)	5,00	-	5,00	SKS	Xã: Hà Tây và Đăk Tơ Ve		Giấy phép số 718/GP-UBND ngày 12/12/2014 và Quyết định trúng đấu giá số 1089/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh Gia Lai
-	Mô đất san lấp	20,00	-	20,00	SKS	TT Ia Ly (4 ha), xã Hòa Phú (2 ha), Đăk Tơ Ver (8 ha), xã Ia Khuról (4 ha)		Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của UBND tỉnh Gia Lai và nhu cầu đăng ký của địa phương
-	Mô cát xây dựng (bao gồm cả diện tích bãi tập kết, bãi thải, nhà văn phòng,...)	2,56	-	2,56	SKS	Xã Đăk Tơ Ver		
-	Mô cát xây dựng (bao gồm cả diện tích bãi tập kết, bãi thải, nhà văn phòng,...)	3,00	-	3,00	SKS	Xã Hà Tây		
-	Mô cát xây dựng (bao gồm cả diện tích bãi tập kết, bãi thải, nhà văn phòng,...)	3,00	-	3,00	SKS	Xã Ia Khuról		Giấy phép số 232/GP-UBND ngày 11/7/2018 của UBND tỉnh
-	Mô cát xây dựng (bao gồm cả diện tích bãi tập kết, bãi thải, nhà văn phòng,...)	2,00	-	2,00	SKS	Xã Ia Ka		Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh
-	Mô đá xây dựng (bao gồm cả diện tích bãi tập kết, bãi thải, nhà văn phòng,...)	1,50	-	1,50	SKS	Nghĩa Hòa		
-	Mô đá xây dựng	6,32	-	6,32	SKS	Ia Ly		Giấy phép số 85/GP-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh Gia Lai
-	Dự án chế biến đá xây dựng	1,07	-	1,07	SKS	Ia Nhin		Chuyển tiếp từ KH 2022 theo Đơn đăng ký ngày 09/09/2022 của hộ Kinh doanh Kiều Văn Cường
B.3.2	Khu vực giao đất							
1	Xây dựng trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện	0,15	-	0,15	TSC	Thị trấn Phú Hòa		Chuyển tiếp từ KH 2022
2	Trường Mầm non Ia Khuról	0,50	-	0,50	DGD	Ia Khuról		Chuyển tiếp từ KH 2022
3	Giao đất, đấu giá đất tại thị trấn Ia Ly	1,27	-	1,27	ODT	Ia Ly		Chuyển tiếp từ KH 2022
4	Giao đất, đấu giá đất tại thị trấn Phú Hòa	5,00	-	5,00	ODT	Phú Hòa		Chuyển tiếp từ KH 2022
5	Giao đất, đấu giá đất tại xã Nghĩa Hưng	8,00	-	8,00	ONT	Nghĩa Hưng		Chuyển tiếp từ KH 2022
6	Giao đất, đấu giá đất tại xã Ia Ka	1,00	-	1,00	ONT	Ia Ka		Chuyển tiếp từ KH 2022
7	Giao đất, đấu giá đất tại xã Nghĩa Hòa	0,50	-	0,50	ONT	Nghĩa Hòa		Chuyển tiếp từ KH 2022
8	Giao đất, đấu giá đất tại xã Ia Mơ Nông	1,20	-	1,20	ONT	Ia Mơ Nông		Chuyển tiếp từ KH 2022

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch 2023 (ha)	Hiện trạng 2022 (ha)	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (hoặc) Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý
9	Giao đất, đấu giá đất tại xã Chư Đang Ya	1,00	-	1,00	ONT	Chư Đang Ya		Chuyển tiếp từ KH 2022
10	Giao đất, đấu giá đất tại xã Ia Kreng	0,70	-	0,70	ONT	Ia Kreng		Chuyển tiếp từ KH 2022
11	Giao đất dự án khu công viên cây xanh	0,91	-	0,91	DKV	Xã Nghĩa Hưng		Chuyển tiếp từ KH 2022
12	Giao đất xây dựng Nhà văn hóa đa năng	0,30	-	0,30	DSH	Xã Nghĩa Hưng		Chuyển tiếp từ KH 2022
13	Giao rừng gắn với giao đất, cho thuê đất trồng rừng tại Chư Đang Ya	910,00	-	910,00	RSX; RPH	Xã Chư Đang Ya; xã Đăk Tơ Ver		Chuyển tiếp từ KH 2022 của Dự án trồng rừng Bình Nguyên
14	Giao rừng gắn với giao đất, cho thuê đất trồng rừng tại TT Phú Hòa	1,41	-	1,41	RSX; RPH	TT Phú Hòa		Chuyển tiếp từ KH 2022
15	Giao rừng gắn với giao đất, cho thuê đất trồng rừng tại Ia Khuol	375,06	-	375,06	RSX; RPH	Xã Ia Khuol		Chuyển tiếp từ KH 2022
16	Giao rừng gắn với giao đất, cho thuê đất trồng rừng tại Ia Phí	9,00	-	9,00	RSX; RPH	Xã Ia Phí		Chuyển tiếp từ KH 2022
17	Giao rừng gắn với giao đất, cho thuê đất trồng rừng tại Đăk Tơ Ver	248,00	-	248,00	RSX; RPH	Xã Đăk Tơ Ver		Chuyển tiếp từ KH 2022
18	Giao rừng gắn với giao đất, cho thuê đất trồng rừng tại Ia Ka	8,00	-	8,00	RSX; RPH	Xã Ia Ka		Chuyển tiếp từ KH 2022
19	Dự án trồng rừng sản xuất (Công ty Nguyễn Lâm Gia Lai)	1.149,27	-	1149,27	RSX	Hà Tây	TK 177, TK 181, TK 183, TK 184, TK 185, TK 186, TK 187, TK 189	Đơn Đăng ký của Công ty Cổ phần Nguyễn Lâm Gia Lai ngày 04/10/2022
20	Dự án trồng rừng sản xuất kết hợp trồng dược liệu dưới tán rừng (Công ty Minh Dũng)	1.221,00	-	1221,00	RSX	Xã Đăk Tơ Ver	TK 188; TK 190; TK 206	Công văn số 3322/SKHĐT-TTXTĐT ngày 12/10/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai; Đơn đăng ký của Công ty TNHH TVTK&XD Minh Dũng ngày 21/11/2022
B.3.3 Công trình, dự án kêu gọi đầu tư theo các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai								
1	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp	53,91	53,91	-	SKN	Xã Ia Khuol	Cụm công nghiệp huyện	Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
2	Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ gỗ cao su và gỗ rừng sản xuất	2,00	-	2,00	SKC	Xã Ia Khuol	Cụm công nghiệp huyện	Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
3	Dự án nhà máy sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ	3,00	-	3,00	SKC	Xã Ia Khuol	Cụm công nghiệp huyện	Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
4	Dự án nhà máy sản xuất vật liệu trang trí công trình xây dựng	1,00	-	1,00	SKC	Xã Ia Khuol	Cụm công nghiệp huyện	Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
5	Dự án nhà máy sản xuất cơ khí chế tạo (lắp ráp động cơ, máy nông nghiệp, khung thép định hình, dụng cụ thiết bị điện).	3,00	-	3,00	SKC	Xã Ia Khuol	Cụm công nghiệp huyện	Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
6	Dự án nhà máy sản xuất bao bì, sản xuất thực phẩm chế biến	2,00	-	2,00	SKC	Xã Ia Khuol	Cụm công nghiệp huyện	Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
7	Nhà máy sản xuất thuốc bảo vệ thực vật bằng công nghệ sinh học	2,00	-	2,00	SKC	Xã Ia Khuol	Cụm công nghiệp huyện	Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
8	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng không nung, gạch bê tông khí chưng áp, gạch bê tông bọt	2,00	-	2,00	SKC	Xã Ia Khuol	Cụm công nghiệp huyện	Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
9	Dự án nhà máy chế biến rau, củ, quả	1,00	-	1,00	SKC	Xã Ia Khuol	Cụm công nghiệp huyện	Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
10	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón vô cơ	2,00	-	2,00	SKC	Ia Khuol	Cụm công nghiệp huyện	Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
11	Nhà máy chế biến thức ăn gia súc	2,00	-	2,00	SKC	Xã Ia Khuol	Cụm công nghiệp huyện	Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
12	Khu sinh thái cao cấp tái tạo sức khỏe Gènh Đá Đĩa	92,32	-	92,32	DDL	Thị trấn Ia Ly, xã Ia Phí		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
13	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái văn hóa ẩm thực Chư Păh, Gia Lai	4,44	-	4,44	SKC, TMD	Xã Hòa Phú		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
14	Khu du lịch sinh thái và dịch vụ, nghỉ dưỡng hồ thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh	8,50	-	8,50	SKC, TMD, DDL, PNK	Thị trấn Phú Hòa		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
15	Đầu tư xây dựng nhà máy nước sạch	0,10	-	0,10	SKC	thị trấn Ia Ly		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
16	Dự án xây dựng siêu thị	1,30	-	1,30	TMD	Thị trấn Ia Ly		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
17	Trung tâm giặt mở gia súc gia cầm	2,00	-	2,00	SKC	Nghĩa Hưng, TT Phú Hòa		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
18	Bến xe huyện	2,00	-	2,00	DGT	Thị trấn Phú Hòa		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
19	Bến xe	1,50	-	1,50	DGT	Thị trấn Ia Ly		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
20	Dự án Trung tâm thương mại	1,30	-	1,30	TMD	Thị trấn Phú Hòa		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
21	Siêu thị trung tâm thương mại	0,17	-	0,17	TMD	Ia Nhin, Ia Ka		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
22	Siêu thị mini	0,17	-	0,17	TMD	Nghĩa Hưng		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
23	Nhà máy chế biến cà phê hòa tan và cà phê bột (nguyên liệu đầu vào được sản xuất theo quy trình UTZ, 4C, VietGap)	2,00	-	2,00	SKC	Trên địa bàn huyện		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch 2023 (ha)	Hiện trạng 2022 (ha)	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên Bản đồ địa chính (hoặc) Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý
24	Nhà máy chế biến tiêu hạt và tiêu bột (nguyên liệu đầu vào được sản xuất theo quy trình VietGap)	2,00	-	2,00	SKC	Trên địa bàn huyện		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
25	Nhà máy rác thải	5,00	-	5,00	DRA	Hòa Phú, Ia Ly		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
26	Dự án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao	8,80	-	8,80	NKH	Ia Khroi, Nghĩa Hưng, TT Phú Hòa		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
27	Nhà máy sản xuất, chế biến sâu các sản phẩm từ mùn cao su	2,00	-	2,00	SKC	Trên địa bàn huyện		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
28	Dự án trồng rừng, chuyển mục đích để trồng rừng	2.000,00	-	2.000,00	RSX, RPH	Trên địa bàn huyện		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
29	Khu du lịch sinh thái Lâm viên Biển Hồ	50,00	-	50,00	SKC, TMD, DDL, PNK	Nghĩa Hưng		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
30	Dự án tổ hợp du lịch quốc tế núi lửa Chư Đăng Ya-Biển Hồ	6.000,00	-	6.000,00	SKC, TMD, DDL, PNK	Chư Đăng Ya, Nghĩa Hưng		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
31	Khu du lịch sinh thái Ia Ly	15,00	-	15,00	SKC, TMD, DDL, PNK	Thị trấn Ia Ly		Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
32	Khu du lịch thác công chúa	100,00	-	100,00	SKC, TMD, DDL, PNK	Xã Ia Mơ Nông	Thác Công Chúa	Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
33	Khu nhà vườn Phương Hoàng	11,92	-	11,92	ONT, DGT, TMD, NKH	Xã Hòa Phú	Làng Bối	Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
34	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Tân Sơn	60,00	-	60,00	SKC, TMD, DDL, PNK	Xã Nghĩa Hưng, xã Chư Đăng Ya	Hồ thủy lợi Tân Sơn	Các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai
B.3.4 Công trình, dự án khác								
1	Khu đất cao su trong khu vực Nhà máy thủy điện Hà Tây Chư Păh	2,71	-	2,71	DNL	Xã Hà Tây		Chuyển tiếp từ KH 2022
2	Mặt bằng sản công nghiệp của mỏ đá granit của Công ty TNHH Hiệp Lợi	1,00	-	1,00	DTL	Xã Ia Krong		Chuyển tiếp từ KH 2022
3	Mặt bằng sản công nghiệp của mỏ đá granit của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Hoàng Long	3,50	-	3,50	CLN	Thị trấn Ia Ly		Chuyển tiếp từ KH 2022
4	Trạm y tế xã Đăk Tơ Ver	0,50	-	0,50	DYT	Xã Đăk Tơ Ver		Chuyển tiếp từ KH 2022
6	Thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất	30,00	-	30,00		Trên địa bàn huyện		Chuyển tiếp từ KH 2022



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ H.A.I
Địa chỉ: 293/4A Phạm Văn Đồng, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: 0937.359.888 | Email: Hai.contech.company@gmail.com